

- Hạnh phúc cảm xúc có ĐTB cao nhất (3,24); tiếp đến hạnh phúc tâm lý 3,12; hạnh phúc trường học 3,04; hạnh phúc chung 3,05; thấp nhất là hạnh phúc xã hội (2,8).

- Sinh viên cảm thấy hạnh phúc chiếm tỉ lệ cao nhất 34,7%, rất hạnh phúc 33,5% và 31,8% cảm nhận ít hạnh phúc.

- Các mặt biểu hiện và cảm nhận hạnh phúc có mối liên quan với nhau, trong đó, mặt tâm lý có tương quan chặt chẽ nhất ($r=0,827$, $p<0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Vũ Thị Nho (2000)**, Tâm lý học phát triển, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.
2. **Trương Thị Khánh Hà (2015)**, Thích ứng thang đo hạnh phúc chủ quan dành cho vị thành niên, Tạp chí Tâm lý học (số 5), tr 13-25
3. **Đặng Hoàng Ngân (2017)**, Ảnh hưởng của tiêu điểm kiểm soát đến cảm nhận hạnh phúc của sinh viên, Luận án tiến sĩ Tâm lý học.
4. **Corey L. M. Keyes, Emory University (2002)**, The mental health continuum: From Languishing to Flourishing in Life, Journal of health and Social Research (June), pp. 207-222
5. **Hoàng Thị Trang (2015)**, Cảm nhận hạnh phúc của sinh viên, Luận văn Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN.

MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN KIẾN THỨC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 CỦA SINH VIÊN CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG, TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ THÁI BÌNH

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng chống dịch Covid-19 của sinh viên cao đẳng Điều dưỡng, Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình năm 2020. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên cao đẳng Điều dưỡng thuộc hệ chính quy dài hạn của Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp dịch tễ học mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang.

Kết quả nghiên cứu: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 chiếm 55,9%. Sinh viên không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo biết các thông tin về tác nhân gây dịch Covid-19 tốt hơn so với các đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo (OR=7,8; 95%CI: 2,2-27,8). Sinh viên nữ có kiến thức về phòng chống dịch Covid-19 tốt hơn so với sinh viên nam: về đeo khẩu trang đúng cách (OR:8,9, 95%CI:1,7-46,6), rửa tay đúng cách (OR:3,6, 95% CI:1,3-9,9) và hình thức khai báo y tế (OR:4,3, 95% CI:1,3-14,3). Sinh viên có kiến thức về phòng chống dịch tốt có khả năng thực hành phòng chống dịch tốt hơn so

Phạm Trường Sơn^{1*}, Nguyễn Hà My²,
Trần Thanh Phương²

với nhóm còn lại: Rửa tay: (OR=13,2; 95%CI: 3,1-56,7 đeo khẩu trang phòng chống dịch Covid-19 với OR: 19,0, 95% CI: 3,1-105,7.

Từ khóa: Kiến thức, Dịch Covid-19; Sinh viên điều dưỡng, Thái Bình

ABSTRACT

SOME FACTORS RELATED TO KNOWLEDGE OF COVID-19 PREVENTION BY NURSING COLLEGE STUDENTS, THAI BINH MEDICAL COLLEGE

Objective: Determining factors related to knowledge of Covid-19 prevention and control by Thai Binh Medical College's nursing students in 2020.

Subject: Thai Binh Medical College's nursing students.

Method: The epidemiological method is descriptive through a cross-sectional survey.

Results: The percentage of students with successful knowledge of measures to prevent the Covid-19 epidemic accounted for 55,9%. Students from non-poor and near-poor households know better information about the causative agent of the Covid-19 epidemic than those from poor or near-poor households (OR=7,8; 95%CI: 2,2-27,8). Female students had better knowledge about Covid-19 prevention than male students: about wearing masks properly (OR: 8,9, 95%CI: 1,7-46,6),

1. Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

* Chịu trách nhiệm chính: Phạm Trường Sơn

Email: phamtruongson89@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/9/2022

Ngày phản biện: 04/10/2022

Ngày duyệt bài: 08/10/2022

washing hands properly (OR:3,6, 95%CI:1.3-9.9) and medical declaration form (OR:4.3, 95%CI:1.3-14.3). Students with good knowledge of epidemic prevention had better ability to practice epidemic prevention than the other group: Hand washing: (OR=13.2; 95%CI: 3.1-56.7 wearing a mask Covid-19 epidemic prevention with OR: 19.0, 95%CI: 3.1-105.7

Keywords: Knowledge, Covid-19 epidemic; Nursing student; Thai Binh

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dịch bệnh là sự lây lan nhanh chóng của một bệnh truyền nhiễm với số lượng lớn những người bị nhiễm trong một cộng đồng hoặc một khu vực trong vòng một thời gian ngắn, thường là hai tuần hoặc ít hơn. Mười tám năm trước, khi dịch SARS do vi rút Corona bùng phát, chỉ trong 8 tháng, trên toàn thế giới có tổng cộng 8.098 người mắc SARS và căn bệnh này đã giết chết khoảng 775 người tại 29 quốc gia, đồng thời phơi bày ra những rủi ro đối với các hệ thống y tế công cộng trên toàn cầu [1]. Covid-19 là bệnh truyền nhiễm do coronavi-rút được phát hiện gần đây nhất gây ra. Loại vi-rút và căn bệnh mới này chưa được biết đến trước khi dịch bùng phát ở Vũ Hán, Trung Quốc, vào tháng 12 năm 2019. Covid-19 hiện là một đại dịch ảnh hưởng đến nhiều quốc gia trên toàn cầu [2], [3].

Các bệnh viện dường như là một môi trường thuận lợi cho vi rút SARS-CoV-2 lây lan. Trong một số trường hợp, bệnh viện có thể là nguồn mang mầm bệnh chính, vì vi rút được sinh sản nhanh chóng bởi các bệnh nhân nhiễm bệnh và có điều kiện thuận lợi để lây lan cho các bệnh nhân chưa bị nhiễm bệnh. [4] Các bệnh viện thường là những cơ sở thực tập lâm sàng của sinh viên các trường khối ngành Y khoa. Sinh viên Y khoa cũng được coi là đối tượng có nguy cơ cao dễ bị lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm lây qua đường hô hấp. Từ thực trạng trên, nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành với mục tiêu:

Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng chống dịch Covid-19 của sinh viên cao đẳng Điều dưỡng, Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình năm 2020.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, thời gian, đối tượng nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

- Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên cao đẳng Điều dưỡng thuộc hệ chính quy dài hạn của Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

- Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ 9/2020 – 7/2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

• Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp dịch tễ học mô tả thông qua cuộc điều tra cắt ngang.

• Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

* Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng cho một tỷ lệ:

$$n = Z_{(1-\frac{\alpha}{2})}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Được cỡ mẫu tối thiểu cần cho nghiên cứu 384 đối tượng, thực tế điều tra 422 đối tượng.

* Phương pháp chọn mẫu: Kỹ thuật chọn mẫu phân tầng:

Lập danh sách tất cả các lớp theo từng khối học tương ứng với 3 năm học thuộc hệ Điều dưỡng chính quy thuộc mỗi khối. Cụ thể gồm: 6 lớp/khối x 3 khối. Mỗi khối bốc thăm ngẫu nhiên 5 lớp đưa vào nghiên cứu. Tổng cộng 15 lớp được chọn. Tại mỗi lớp đã được chọn, lựa chọn toàn bộ sinh viên trong các lớp đó đưa vào nghiên cứu. Tổng cộng 422 sinh viên được đưa vào nghiên cứu.

2.3. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

- Tiến hành xây dựng bộ phiếu điều tra và lấy ý kiến các chuyên gia, hướng dẫn điều tra phù hợp với đối tượng và mục tiêu nghiên cứu, thảo luận nhóm để hoàn thiện phiếu điều tra.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia nghiên cứu. Sau đây được gọi là điều tra viên. Thống nhất kỹ thuật phỏng vấn cho đội ngũ điều tra viên.

- Tổ chức thực hiện điều tra thực địa tổng hợp, phân tích đánh giá.

- Đánh giá thực trạng kiến thức, thực hành về phòng chống dịch Covid-19 của sinh viên Điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Thái Bình: Phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu bằng phiếu điều tra đã được thiết kế sẵn được tiến hành trong tháng 12/2020.

2.4. Sai số và các phương pháp hạn chế sai số

Sai số do ĐTV: Mỗi **điều tra viên** sẽ có những kỹ năng khác nhau trong khai thác thông tin dễ dẫn đến sai số trong kết quả thu nhận được.

Hạn chế bằng cách tổ chức tập huấn kỹ lưỡng, thống nhất cách ghi nhận số liệu cho toàn bộ điều tra viên trước khi tiến hành nghiên cứu. Các số liệu

được phân tầng, chuẩn hóa trước khi xử lý. Khi nhập số liệu, xử lý và phân tích số liệu phải cẩn thận, chắc chắn.

2.5. Xử lý số liệu

Làm sạch số liệu từ phiếu. Số liệu được nhập bằng phần mềm Epi data 3.1. Các số liệu thu thập được xử lý theo thuật toán thống kê Y sinh học, sử dụng phần mềm SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Thông tin chung về sinh viên tham gia nghiên cứu

Thông tin		Số lượng (n = 422)	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	96	22,7
	Nữ	326	77,3
Nhóm tuổi	<20	281	66,6
	≥20	141	33,4

Kết quả tại bảng 1 cho thấy tỷ lệ sinh viên nam chiếm 22,7%, nữ chiếm 77,3%. Trong đó tỷ lệ sinh viên ở nhóm tuổi dưới 20 chiếm cao hơn (66,6%).

Bảng 2. Đánh giá kiến thức về phòng chống dịch Covid-19 của sinh viên

Kiến thức	Khối học			Chung (n=422)	p
	Năm 1 (n=193)	Năm 2 (n=119)	Năm 3 (n=110)		
	SL (%)	SL (%)	SL (%)	SL (%)	
Đạt	87 (45,1)	82 (68,9)	67 (60,9)	236 (55,9)	<0,05
Chưa đạt	106 (54,9)	37 (31,1)	43 (39,1)	186 (44,1)	

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về phòng chống dịch Covid-19 chiếm 55,9%, trong đó chiếm 45,1% ở đối tượng sinh viên năm 1, chiếm 68,9% ở những sinh viên năm 2 và 55,9% ở những sinh viên năm 3, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 3. Mối liên quan giữa giới tính, điều kiện kinh tế hộ gia đình với kiến thức về tác nhân gây ra dịch Covid-19

Đặc điểm		Kiến thức				OR (95%CI)
		Biết		Không biết		
		SL	%	SL	%	
Giới	Nam	93	96,9	3	3,1	1,5 (0,4-5,8)
	Nữ	319	97,9	7	2,1	
Tình trạng kinh tế	Nghèo/Cận nghèo	47	90,4	5	9,6	7,8 (2,2-27,8)
	Khác	365	98,6	5	1,4	

Bảng trên cho thấy không có mối liên quan giữa giới tính và kiến thức về tác nhân gây dịch Covid-19. Có mối liên quan giữa điều kiện kinh tế và kiến thức về tác nhân gây dịch Covid-19, theo đó, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo có khả năng biết thông tin về tác nhân gây dịch thấp hơn đối tượng còn lại (OR=7,8; 95%CI: 2,2-27,8).

Bảng 4. Mối liên quan giữa giới tính của sinh viên với kiến thức về một số biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19

Giới tính	Kiến thức				OR (95%CI)
	Biết		Không biết		
	SL	%	SL	%	
Kiến thức về đeo khẩu trang đúng cách					
Nam	91	94,8	5	5,2	8,9 (1,7-46,6)
Nữ	324	99,4	2	0,6	
Kiến thức về rửa tay trang đúng cách					
Nam	88	91,7	8	8,3	3.6 (1,3-9,9)
Nữ	318	97,5	8	2,5	
Kiến thức về thời gian cách ly					
Nam	91	94,8	5	5,2	2,5 (0,8-8,1)
Nữ	319	97,9	7	2,1	
Kiến thức về hình thức khai báo y tế					
Nam	90	93,8	6	6,3	4,3 (1,3-14,3)
Nữ	321	98,5	5	1,5	

Bảng trên cho thấy có mối liên quan giữa giới tính của đối tượng với kiến thức về đeo khẩu trang đúng cách, rửa tay đúng cách hay các hình thức khai báo trong phòng chống dịch bệnh. Tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức về đeo khẩu trang đúng cách có khả năng thấp hơn so với tỷ lệ sinh viên nữ biết về vấn đề này (OR=8,9; 95%CI: 1,7-46,6). Tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức về rửa tay đúng cách có khả năng thấp hơn so với sinh viên nữ (OR=3,6; 95%CI: 1,3-9,9). Tỷ lệ sinh viên nam biết về các hình thức khai báo y tế có khả năng thấp hơn so với sinh viên nữ (OR=4,3; 95%CI: 1,3-14,3).

Bảng 5. Mối liên quan giữa việc tham gia vào hoạt động tuyên truyền của Nhà trường với kiến thức về một số biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19

Tham gia hoạt động tuyên truyền của Nhà trường	Kiến thức				OR (95%CI)
	Biết		Không biết		
	SL	%	SL	%	
Kiến thức về đeo khẩu trang đúng cách					
Không thường xuyên	142	97,9	3	2,1	1,4 (0,3-6,5)
Thường xuyên	273	98,6	4	1,4	
Kiến thức về rửa tay trang đúng cách					
Không thường xuyên	140	96,6	5	3,4	0,9 (0,3-2,5)
Thường xuyên	266	96,0	11	4,0	
Kiến thức về thời gian cách ly					
Không thường xuyên	141	97,2	4	2,8	0,9 (0,3-3,2)
Thường xuyên	269	97,1	8	2,9	
Kiến thức về hình thức khai báo y tế					
Không thường xuyên	141	97,2	4	2,8	1,1 (0,3-3,8)
Thường xuyên	270	97,5	7	2,5	

Theo kết quả nghiên cứu được trình bày tại bảng 5, không thấy có mối liên quan giữa việc tham gia vào hoạt động tuyên truyền của Nhà trường với kiến thức về một số biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 như đeo khẩu trang, rửa tay, thời gian cách ly hay các hình thức khai báo y tế.

Bảng 6. Mối liên quan giữa giới tính, điều kiện kinh tế hộ gia đình với kiến thức chung về phòng chống dịch Covid-19

Đặc điểm		Kiến thức				OR (95%CI)
		Đạt		Chưa đạt		
		SL	%	SL	%	
Giới	Nam	42	43,8	54	56,3	1,9 (1,2-3,0)
	Nữ	194	59,5	132	40,5	
Tình trạng kinh tế	Nghèo/Cận nghèo	19	36,5	33	63,5	2,5 (1,4-4,5)
	Khác	217	58,6	153	41,4	

Theo kết quả nghiên cứu được trình bày tại bảng trên cho thấy tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức đạt về phòng chống dịch Covid-19 có khả năng thấp hơn so với tỷ lệ sinh viên nữ biết về vấn đề này (OR=1,9, 95%CI:1,2-3,0). Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên có điều kiện kinh tế thuộc diện hộ nghèo/cận nghèo có kiến thức về phòng chống dịch Covid-19 có khả năng thấp hơn so với tỷ lệ sinh viên nữ biết về vấn đề này (OR=2,5, 95%CI:1,4-4,5).

Bảng 7. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành rửa tay đúng cách phòng chống dịch bệnh Covid-19

Kiến thức	Rửa tay				OR (95%CI)
	Thường xuyên		Không thường xuyên		
	SL	%	SL	%	
Biết	399	98,3	7	1,7	13,2 (3,1-56,7)
Không biết	13	81,3	3	18,8	

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc rửa tay đúng cách thực hiện việc rửa tay thường xuyên có khả năng cao hơn so với các sinh viên không biết về việc rửa tay đúng cách (OR=13,2; 95%CI: 3,1-56,7).

IV. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ sinh viên nữ cao hơn nhiều so với sinh viên nam (77,3% sinh viên là nữ giới và 22,7% sinh viên là nam giới), kết quả này được thể hiện ở bảng 1. Tỷ lệ đối tượng theo giới tính trong nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong và cộng sự có tỷ lệ sinh viên nữ (80,7%) cao hơn so với sinh viên nam (19,3%) [5]. Sự mất cân bằng về giới trong ngành điều dưỡng không chỉ xảy ra ở riêng Việt Nam mà đây được xem là xu hướng chung của toàn thế giới, trong báo cáo về thực trạng Điều dưỡng Thế giới năm 2020 đã chỉ ra 90% số điều dưỡng trên thế giới là nữ giới.

Theo kết quả nghiên cứu trình bày tại bảng 3, chúng tôi không tìm thấy có mối liên quan giữa giới

tính với kiến thức về tác nhân gây dịch Covid-19. Điều kiện kinh tế gia đình cũng là một trong yếu tố quan trọng có liên quan đến kiến thức về Covid-19. Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ sinh viên nghèo, cận nghèo biết về vấn đề này chiếm 90,4%, thấp hơn so với nhóm sinh viên không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo (chiếm 98,6%), có mối liên quan giữa điều kiện kinh tế và kiến thức về tác nhân gây dịch Covid-19, theo đó sinh viên thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo có xu hướng biết thông tin về tác nhân gây dịch thấp hơn gấp 7,8 lần đối tượng còn lại. Kết quả này cũng tương đồng đối với nghiên cứu của một số tác giả về các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác như trong nghiên cứu của tác giả Lê Quang Trung nhận thấy có sự

khác biệt trong nhóm đối tượng là con của bố làm nông nghiệp với con của bố làm các công việc khác, tương tự như vậy ở nhóm có mẹ làm nông nghiệp và mẹ làm các công việc khác cũng có sự khác biệt ở mảng kiến thức [6].

Theo kết quả chúng tôi thu được, có mối liên quan giữa giới tính của đối tượng với kiến thức về đeo khẩu trang đúng cách, rửa tay đúng cách hay các hình thức khai báo trong phòng chống dịch Covid-19. Cụ thể tỷ lệ sinh viên nam biết cách đeo khẩu trang đúng (94,8%) có xu hướng thấp hơn so với sinh viên nữ (99,4%) với $p < 0,05$, OR: 8,9. Tỷ lệ sinh viên nam biết về rửa tay đúng cách (91,7%) có xu hướng thấp hơn so với sinh viên nữ (97,5%) với $p < 0,05$, OR: 3,6. Tỷ lệ sinh viên nam biết về các hình thức khai báo y tế (93,8%) có xu hướng thấp hơn so với sinh viên nữ (98,5%) với $p < 0,05$, OR: 4,3 (bảng 4).

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Alian A Alrasheedy và cộng sự. Tại nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu của tác giả Alian A Alrasheedy đã thực hiện một phân tích để kiểm tra xem liệu có bất kỳ sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nào trong điểm kiến thức của những người tham gia xét về đặc điểm nhân khẩu học của họ, chẳng hạn như giới tính, trình độ học vấn, tuổi tác và tình trạng sức khỏe hay không. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nào được ghi nhận ($p > 0,05$) [7].

Sự tham gia của học sinh vào các chương trình phòng chống dịch Covid-19 cũng góp phần nâng cao, kiến thức thái độ của các em về Covid-19. Tuy nhiên với nhóm sinh viên điều dưỡng, việc tham gia vào các hoạt động phòng chống dịch của Nhà trường là một hoạt động không thể thiếu, do đó đa phần sinh viên trong nghiên cứu đều tham gia vào các hoạt động này. Bên cạnh đó các thông tin về phòng chống dịch Covid-19 luôn luôn được cập nhật hàng ngày thông qua đa dạng các phương tiện truyền thông đại chúng, do đó việc tiếp cận với các nội dung này tương đối dễ dàng. Chính vì vậy, nghiên cứu này chưa chỉ ra được mối liên quan giữa việc tham gia vào hoạt động tuyên truyền của Nhà trường với kiến thức về một số biện pháp phòng chống dịch Covid-19 như đeo khẩu trang, rửa tay, thời gian cách ly hay các hình thức khai báo y tế.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra được có mối liên quan giữa kiến thức phòng chống dịch Covid-19 với giới tính hay điều kiện kinh tế của

sinh viên. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi khác với nghiên cứu của Lê Minh Đạt, tỷ lệ trả lời đúng ở nam và nữ lần lượt là 86,87% và 86,21% [8].

Theo nghiên cứu của Alian A Alrasheedy, có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa giới tính và thực hành đi ra ngoài nơi đông người trong đại dịch ($p = 0,005$). Trong nghiên cứu này, 131 (91,6%) những người tham gia là nữ giới cho biết tránh bất kỳ nơi nào đông đúc nào so với 70 (78,7%) nam giới tham gia [7].

Trong nghiên cứu này, tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc rửa tay đúng cách thực hiện việc rửa tay thường xuyên chiếm 98,3%, cao hơn so với các sinh viên không biết về việc rửa tay đúng cách (81,3%) ($p < 0,05$, OR: 13,2). Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc đeo khẩu trang đúng cách thực hiện việc đeo khẩu trang thường xuyên chiếm 97,8%, cao hơn so với các sinh viên không biết về việc đeo khẩu trang đúng cách (71,4%) ($p < 0,06$, OR: 19,0).

Nghiên cứu của chúng tôi đưa ra kết quả tương đồng với nghiên cứu của tác giả Minjung Lee, ai có nhận thức cao hơn về vấn đề rửa tay và đeo khẩu trang thì có nhiều khả năng rửa tay thường xuyên hơn và đeo khẩu trang thường xuyên hơn khi ra nơi công cộng [9].

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 chiếm 55,9%.

- Sinh viên không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo biết các thông tin về tác nhân gây dịch Covid-19 tốt hơn so với các đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo (OR=7,8; 95%CI: 2,2-27,8).

- Sinh viên nữ có kiến thức về phòng chống dịch Covid-19 tốt hơn so với sinh viên nam: về đeo khẩu trang đúng cách (OR:8,9, 95%CI:1,7-46,6), rửa tay đúng cách (OR:3,6, 95%CI:1,3-9,9) và hình thức khai báo y tế (OR:4,3, 95%CI:1,3-14,3).

- Sinh viên có kiến thức về phòng chống dịch tốt có khả năng thực hành phòng chống dịch tốt hơn so với nhóm còn lại: Rửa tay: (OR=13,2; 95%CI: 3,1-56,7 đeo khẩu trang phòng chống dịch Covid-19 với OR: 19,0, 95%CI: 3,1-105,7

VI. KHUYẾN NGHỊ

Tuyên truyền mạnh mẽ về việc cập nhật liên tục các thông tin phòng chống, dịch Covid-19

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO (2004), Summary of probable SARS cases with onset of illness from 1-1-2002 to 31-7-2003.